TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **316**/2025/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 03 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 157/2025/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- **Ông Nguyễn Phước T**, sinh ngày 29/10/1982;

Thường trú: 14/2B tổ A, khu phố B, phường H, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

- **Bà Nguyễn Việt N,** sinh ngày 09/9/1986;

Thường trú: 14/2B tổ A, khu phố B, phường H, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 45C, Nguyễn Ái Q, khu phố B, phường H, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phước T và bà Nguyễn Việt N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33/2011, quyển số 01/2011 cấp ngày 24/03/2011, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Do đó, nay ông bà cùng nộp đơn yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, ông bà vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông T, bà N xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 19/10/2011.

Sau khi ly hôn, ông T và bà N thỏa thuận giao cháu T1 cho ông Nguyễn Phước T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Việt N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo thủ tục do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phước T và bà Nguyễn Việt N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 19/10/2011 cho ông Nguyễn Phước T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của bà Nguyễn Việt N.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo thủ tục do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Phước T và bà Nguyễn Việt N phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007924 ngày 11/8/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Đồng Nai. Ông Nguyễn Phước T và bà Nguyễn Việt N đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai (2);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: HS, VP, TP (3).

THẨM PHÁN

Trần Thị Hải